

QUY ĐỊNH

Về công tác quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; vốn chi thường xuyên ngân sách nhà nước để cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố Huế
(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định công tác quản lý dự án đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn thành phố Huế:

a) Vốn đầu tư công: Vốn ngân sách nhà nước (vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương) chỉ cho đầu tư công; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật.

b) Vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

2. Các dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này, gồm: Dự án xây dựng công trình đặc thù (công trình bí mật nhà nước, công trình được xây dựng theo lệnh khẩn cấp); công trình xây dựng tạm; dự án từ nguồn vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên khác; dự án thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia.

3. Các dự án đầu tư trong Khu kinh tế, công nghiệp do Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp trực tiếp quản lý vốn còn thực hiện theo quy định của UBND thành phố ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp về quản lý đầu tư, xây dựng.

4. Các dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành. Các dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công trường hợp đảm bảo nguồn vốn thực hiện nhưng chưa có quy định pháp luật hiện hành hướng dẫn cụ thể thì áp dụng các điều, khoản, điểm hoặc toàn bộ Quy định này để thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác quản lý các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện công tác quản lý các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Ủy ban nhân dân cấp xã: Ủy ban nhân dân xã, phường.
2. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành: Bao gồm Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương.
3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố.

Chương II

CÔNG TÁC QUY HOẠCH

Điều 4. Lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và pháp luật về xây dựng.
2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại Quy hoạch tỉnh được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan về kỹ thuật, chuyên ngành.
3. Dự toán nhiệm vụ quy hoạch để lập, công bố quy hoạch, lập, điều chỉnh quy hoạch và công bố điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch tại khoản 1, khoản 2 Điều này: Thực hiện theo khoản 2 Điều 44 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15. Đối với dự toán công việc chuẩn bị đầu tư thực hiện theo điểm b khoản 1 Điều 14 Quy định này.

Điều 5. Đầu mối cung cấp thông tin quy hoạch

1. Sở Tài chính cung cấp thông tin về các hoạt động kinh tế - xã hội liên quan nội dung quy hoạch tỉnh.
2. Sở quản lý ngành gồm các sở và cơ quan tương đương sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo ngành hoặc lĩnh vực công tác quy định cung cấp thông tin về quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; các quy hoạch thuộc ngành mình phụ trách theo quy định phải tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.
3. Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các thông tin khác liên quan dữ liệu đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.
4. Cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi quản lý theo quy định về phân công phân cấp.

Chương III

QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 6. Một số quy định trong công tác chuẩn bị đầu tư dự án

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình có liên quan đến công

trình hiện trạng (phải tháo dỡ để xây dựng mới, cải tạo sửa chữa, mở rộng), cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư phối hợp đơn vị quản lý, sử dụng công trình tổ chức đánh giá chất lượng hiện trạng công trình. Báo cáo đánh giá chất lượng hiện trạng công trình là cơ sở để xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Chi phí đánh giá chất lượng hiện trạng công trình được tính trong tổng mức đầu tư dự án.

2. Việc thi tuyển phương án kiến trúc thực hiện theo Điều 17 Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14.

Điều 7. Chủ trương đầu tư dự án

1. Cơ quan lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước: Theo từng dự án, cơ quan lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư được giao theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 Luật số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 7 Luật số 90/2025/QH15, điểm a khoản 1 Điều 28 Luật số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 7 Luật số 90/2025/QH15.

b) Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư thuộc quy định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp: Theo từng dự án, cơ quan lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư được giao theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 7 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

c) Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư thuộc quy định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện theo điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền thẩm định chủ trương đầu tư dự án:

a) Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước; dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư thuộc quy định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp: Thực hiện theo điểm b khoản 1 Điều 25, điểm b khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 36 Luật số 58/2024/QH15.

b) Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư thuộc quy định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện theo điểm b khoản 3 Điều 7 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP.

3. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án:

a) Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Luật số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 7 Luật số 90/2025/QH15.

b) Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP.

4. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án:

a) Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 25, Điều 28 Luật số 58/2024/QH15. Trong đó cơ quan lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định. Cơ quan chủ trì thẩm định thông báo cho cơ quan lập nội dung để hoàn thiện (nếu có).

b) Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP.

5. Đối với nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng vốn chi thường xuyên: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý công trình căn cứ quyết định phê duyệt nhiệm vụ và quyết định giao dự toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I để tổ chức thực hiện theo quy định, không phải lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

6. Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di sản thể giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có quy mô lớn, phức tạp còn phải trình thẩm định theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư:

- Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ, gửi Sở Văn hóa và Thể thao tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định.

- Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư trình kết quả thẩm định theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa làm cơ sở xem xét, thẩm định theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

Điều 8. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án

1. Trường hợp chương trình, dự án phát sinh thay đổi về mục tiêu, địa điểm, vượt mức vốn đầu tư công so với nội dung tại chủ trương đầu tư chương trình, dự án phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án.

2. Cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật số 58/2024/QH15.

3. Trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 16 Điều 7 Luật số 90/2025/QH15 và Điều 14 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Dừng chủ trương đầu tư dự án

1. Các trường hợp dừng chủ trương đầu tư dự án: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP.

2. Cấp có thẩm quyền quyết định dừng chủ trương đầu tư dự án: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật số 58/2024/QH15.

3. Trình tự, thủ tục dừng chủ trương đầu tư dự án: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP.

Điều 10. Chủ đầu tư dự án

1. Chủ đầu tư được xác định trước khi lập dự án đầu tư hoặc khi phê duyệt dự án hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các nội dung quy định khác về chủ đầu tư, tổ chức quản lý dự án đầu tư thực hiện theo quy định của Luật số 58/2024/QH15, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14, Nghị định số 85/2025/NĐ-CP, Nghị định số 175/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan, Nghị định số 82/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 11. Thẩm quyền thẩm định dự án

1. Dự án không có cấu phần xây dựng: Cơ quan chủ trì thẩm định được quy định như sau:

a) Dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư: Thực hiện theo điểm b khoản 2 Điều 43 Luật số 58/2024/QH15, điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP.

b) Dự án do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thẩm định dự án.

c) Dự án ứng dụng công nghệ thông tin: Cơ quan chủ trì thẩm định gửi hồ sơ thiết kế cơ sở hoặc thiết kế chi tiết trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật để lấy ý kiến thẩm định của Sở Khoa học và Công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ tổ

chức thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế chi tiết trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật, trừ dự án có thiết kế cơ sở thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ. Trường hợp Sở Khoa học và Công nghệ đồng thời là chủ đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế chi tiết trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

2. Dự án có cấu phần xây dựng:

a) Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật của người quyết định đầu tư:

- Cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư theo quy định tại Khoản 14 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14: Thực hiện theo khoản 3 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

- Cơ quan chủ trì thẩm định tổng hợp kết quả thẩm định, trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng.

b) Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan chuyên môn về xây dựng: Ngoài nội dung thẩm định của người quyết định đầu tư do cơ quan chủ trì thẩm định, tổng hợp thực hiện nêu tại điểm a khoản này, dự án đầu tư còn phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện thẩm định theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14.

3. Các dự án tu bổ di tích bên cạnh việc tuân thủ nội dung khoản 1, khoản 2 Điều này còn phải trình thẩm định theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa:

a) Đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia: Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ, gửi Sở Văn hóa và Thể thao tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định dự án.

b) Đối với di tích cấp tỉnh, di tích thuộc Danh mục kiểm kê di tích: Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ, trình Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định dự án.

c) Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư trình kết quả thẩm định theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa làm cơ sở xem xét, thẩm định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 12. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án

1. Dự án không có cấu phần xây dựng: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật số 58/2024/QH15, khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP.

2. Dự án có cấu phần xây dựng: Thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế quyết định đầu tư dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản, dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm c khoản 17 Điều 7 Luật số 90/2025/QH15.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C do cấp xã quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm d khoản 17 Điều 7 Luật số 90/2025/QH15.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư do đơn vị mình quản lý theo điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP.

4. Đối với nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng vốn chi thường xuyên:

a) Trường hợp nhiệm vụ có kinh phí thực hiện dưới 500 triệu đồng: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý công trình xây dựng quyết định tổ chức thực hiện theo quy định.

b) Trường hợp nhiệm vụ có kinh phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên đến 20 tỷ đồng: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý công trình xây dựng lập, trình cấp có thẩm quyền tại khoản 1, khoản 2 Điều này phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo trình tự, thủ tục tại Điều 12 Quy định này.

Điều 14. Điều chỉnh dự án

1. Dự án đã được quyết định đầu tư được điều chỉnh theo quy định tại Điều 46 Luật số 58/2024/QH15 và Điều 61 Luật số 50/2014/QH13, khoản 18 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14.

2. Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi quy mô thì phải được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này, không phải điều chỉnh chủ trương đầu tư. Cơ quan đầu mối tiếp nhận đề xuất của chủ đầu tư, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chấp thuận điều chỉnh dự án như sau: Sở Tài chính đối với dự án do Ủy ban nhân dân thành phố quản lý; bộ phận chuyên môn Ủy ban nhân dân cấp xã đối với dự án do cấp xã quản lý.

3. Trường hợp thay đổi một trong các nội dung về mục tiêu, địa điểm, vượt mức vốn đầu tư công, vượt mức vốn đầu tư công của ngân sách cấp trên, vượt tổng mức đầu tư dự án so với tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, chương trình, dự án phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư .

4. Cấp quyết định đầu tư dự án có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án đó. Việc điều chỉnh dự án phải được thẩm định, phê duyệt. Căn cứ chấp thuận điều chỉnh dự án của cấp quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này, chủ đầu tư tổ chức lập hồ sơ điều chỉnh dự án và trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

5. Chủ đầu tư dự án tổ chức đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án đến thời điểm đề xuất điều chỉnh; báo cáo kết quả đánh giá dự án đến cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư. Cấp có thẩm quyền chỉ được điều chỉnh dự án sau khi dự án đã được thẩm định, kiểm tra, đánh giá theo quy định.

6. Đối với việc điều chỉnh dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng: Trường hợp chỉ điều chỉnh hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và không làm thay đổi các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 23 và khoản 1 Điều 49 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 23 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, chủ đầu tư thực hiện thẩm định và phê duyệt các nội dung điều chỉnh và báo cáo kết quả thực hiện với người quyết định đầu tư.

Điều 15. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán

1. Thẩm quyền thẩm định dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư:

a) Dự án có cấu phần xây dựng: Cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp đã xác định chủ đầu tư) tổ chức thẩm định.

b) Dự án không có cấu phần xây dựng: Thực hiện theo điểm b khoản 2 Điều 44 Luật số 58/2024/QH15.

2. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán đối với dự án có cấu phần xây dựng: Thực hiện theo Quy định về Phân cấp công tác thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố.

3. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán đối với dự án không có cấu phần xây dựng:

a) Đối với dự án thiết kế một bước: Thực hiện theo thẩm quyền thẩm định quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy định này.

b) Đối với dự án thiết kế hai bước: Chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán.

4. Thẩm định phương án kỹ thuật thi công, dự toán điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ của dự án, hạng mục khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ: Thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Thông tư số 195/2019/TT-BQP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 18/2019/NĐ-CP

ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về quản lý và thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh; Thông tư số 101/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều các Thông tư về điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ.

5. Việc thẩm định thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích còn thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa: Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm thẩm định đối với thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích; có văn bản đề nghị cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương để thẩm định đối với thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia.

6. Thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ thực hiện đo đạc lập bản đồ địa chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định nội dung thiết kế kỹ thuật trong thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ. Chủ đầu tư thẩm định nội dung dự toán kinh phí trong thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước.

Điều 16. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán

1. Thẩm quyền phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư:
 - a) Dự án có cấu phần xây dựng: Cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp đã xác định chủ đầu tư) phê duyệt.
 - b) Dự án không có cấu phần xây dựng: Thực hiện theo điểm b khoản 2 Điều 44 Luật số 58/2024/QH15.
2. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán đối với dự án có cấu phần xây dựng: Thực hiện theo Quy định của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố (nếu có) về Phân cấp công tác thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố.
3. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán đối với dự án không có cấu phần xây dựng:
 - a) Dự án thiết kế một bước: Người quyết định đầu tư phê duyệt theo thẩm quyền tại Điều 13 Quy định này.
 - b) Dự án thiết kế hai bước: Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán.
4. Thẩm quyền phê duyệt phương án kỹ thuật thi công, dự toán điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ của dự án, hạng mục khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau khi đã được cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng thẩm định: Thực hiện theo khoản 5 Điều 9 Thông tư số 195/2019/TT-BQP.
5. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ thực hiện đo

đặc lập bản đồ địa chính: Chủ đầu tư phê duyệt nội dung thiết kế kỹ thuật và dự toán kinh phí trong thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ.

Điều 17. Điều chỉnh thiết kế, dự toán

1. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán đối với dự án có cấu phần xây dựng: Thực hiện theo Quy định về Phân cấp công tác thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố.

2. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán đối với dự án không có cấu phần xây dựng: Thực hiện theo Điều 15, Điều 16 Quy định này. Đối với trường hợp dự án ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo hình thức báo cáo kinh tế - kỹ thuật, nếu thay đổi thiết kế chi tiết không làm thay đổi quy mô, mục tiêu đầu tư và không vượt dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì chủ đầu tư được phép tự điều chỉnh thiết kế chi tiết; các trường hợp còn lại, chủ đầu tư phải trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư thẩm định, phê duyệt lại nội dung điều chỉnh.

Điều 18. Quản lý đấu thầu

1. Việc triển khai công tác đấu thầu phải thực hiện đúng các quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 và các Nghị định, văn bản hướng dẫn thực hiện có liên quan. Nội dung, thời hạn phê duyệt các nội dung trong công tác đấu thầu, thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước về đấu thầu; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện các nội dung về công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; kiểm tra, theo dõi đấu thầu và tổng hợp báo cáo công tác đấu thầu các dự án đầu tư thuộc phạm vi thành phố quản lý.

3. Sở Tài chính tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét chủ trương lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, đình chỉ cuộc thầu, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà thầu, xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu, hủy thầu đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có thẩm quyền theo quy định của Luật đấu thầu và pháp luật có liên quan.

4. Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Giám đốc Sở Tài chính thành lập có thành phần theo quy định tại khoản 2 Điều 139 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

5. Chủ đầu tư thực hiện công tác đăng tải thông tin mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu lên trang thông tin đấu thầu của thành phố tại địa chỉ <http://dauthau.hue.gov.vn>.

Điều 19. Hợp đồng

1. Việc ký kết, triển khai, quản lý thực hiện hợp đồng, điều chỉnh hợp đồng đảm bảo tuân thủ Luật số 22/2023/QH15, Luật số 50/2014/QH13 và các Nghị định, văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Khi sửa đổi hợp đồng làm thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng nhưng không vượt thời gian thực hiện dự án hoặc vượt giá gói thầu (bao gồm dự phòng) được duyệt nhưng không làm vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư xem xét, quyết định.

Điều 20. Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

1. Dự án phải thực hiện quyết toán vốn đầu tư sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn khi cấp có thẩm quyền có văn bản dừng hoặc cho phép chấm dứt thực hiện dự án.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh và đối tượng tại Quy định này áp dụng quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công và quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán để thực hiện các nội dung, công việc liên quan đến quyết toán vốn đầu tư sau khi dự án hoàn thành hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn.

3. Cơ quan chủ trì tham mưu cấp có thẩm quyền có văn bản dừng hoặc cho phép chấm dứt thực hiện dự án: Sở Tài chính chủ trì tham mưu đối với dự án do cấp thành phố quản lý. Bộ phận chuyên môn Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì tham mưu đối với dự án do cấp xã quản lý.

Điều 21. Công tác giám sát, đánh giá đầu tư

1. Giao trách nhiệm Sở Tài chính làm đầu mối thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư của thành phố.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, các chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc công tác giám sát, đánh giá đầu tư; chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, áp dụng công nghệ thông tin vào giám sát đầu tư, quản lý dự án theo các quy định hiện hành và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính.

4. Người quyết định đầu tư tổ chức kiểm tra khi điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, cơ cấu nguồn vốn, tăng tổng mức đầu tư và trường hợp cần thiết khác.

5. Sở Tài chính, bộ phận chuyên môn Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tổ chức kiểm tra dự án do cấp mình quản lý theo kế hoạch hoặc đột xuất.

Điều 22. Quản lý chi phí, chất lượng công trình xây dựng

1. Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, thực hiện theo quy định

của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Xây dựng về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố thực hiện theo các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành; quy định của UBND thành phố.

3. Việc quản lý tiến độ, khối lượng thi công, an toàn lao động, môi trường xây dựng thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Giao Sở Xây dựng chủ trì, tổ chức xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù của địa phương.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Ngoài các nội dung quy định cụ thể tại Quy định này, công tác quản lý dự án còn phải thực hiện theo đúng các quy định có liên quan khác của pháp luật hiện hành.

2. Giám đốc Sở Tài chính và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố; Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ vào Quy định này để kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực đảm bảo thực hiện các công tác quản lý quy hoạch và dự án đầu tư; thực hiện công khai quy trình, thủ tục liên quan đến quy hoạch và dự án đầu tư.

3. Các chủ đầu tư căn cứ vào quy định hiện hành của nhà nước để kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực đảm bảo thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình; xây dựng và công khai quy chế làm việc liên quan của cơ quan, đơn vị; tuân thủ pháp luật của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư; thực hiện nghiêm túc nội dung Quy định này và hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

4. Giám đốc Sở Xây dựng, Tài chính căn cứ trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố rà soát điều chỉnh, bổ sung và phê duyệt, hướng dẫn cụ thể quy trình thực hiện các thủ tục hành chính, các công việc thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và Giám đốc các Sở; hướng dẫn các chủ đầu tư quy trình thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Giám đốc Sở Tài chính, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố; Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ nhiệm vụ quản lý chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định này.

6. Quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan quản lý nhà nước, các chủ đầu tư phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét giải quyết./.